

Họ và tên học sinh
Số báo danh

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Địa phương nào sau đây ở nước ta tiếp giáp với hai quốc gia trên đất liền?

- A. Điện Biên. B. Lai Châu. C. Cao Bằng. D. Lào Cai.

Câu 2. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa có thuận lợi nào sau đây đối với phát triển nông nghiệp ở nước ta hiện nay?

- A. Thâm canh, tăng vụ và đa dạng hóa cơ cấu cây trồng, vật nuôi.
B. Cải tạo đất trồng, hoạt động du lịch và nghỉ dưỡng quanh năm.
C. Môi trường nuôi trồng thủy sản, phát triển thủy điện và vận tải.
D. Nguồn nước đáp ứng sản xuất, ít bị nhiễm phèn và nhiễm mặn.

Câu 3. Khí hậu miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ khác với miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ chủ yếu do tác động kết hợp của các yếu tố nào sau đây?

- A. Đặc điểm địa hình, hoàn lưu gió mùa, vị trí địa lí.
B. Gió mùa Đông Bắc, hoạt động của frông, địa hình.
C. Gió Tín phong, độ cao địa hình, áp thấp nhiệt đới.
D. Hướng các dãy núi, hình dạng lãnh thổ, dòng biển.

Câu 4. Quá trình xói mòn đất của nước ta diễn ra chủ yếu ở

- A. miền núi. B. trung du. C. đồng bằng. D. ven biển.

Câu 5. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân cư, dân tộc ở nước ta?

- A. Đời sống của các dân tộc ít người đã ở mức cao.
B. Các dân tộc luôn phát huy truyền thống sản xuất.
C. Các dân tộc đoàn kết, bảo vệ, xây dựng đất nước.
D. Nước ta có nhiều dân tộc, người Kinh đông nhất.

Câu 6. Lao động của nước ta hiện nay có đặc điểm nào sau đây?

- A. Chất lượng ngày càng được nâng lên. B. Có sự phân bố đồng đều giữa các vùng.
C. Tập trung chủ yếu ở khu vực thành thị. D. Nhiều kinh nghiệm trong công nghiệp.

Câu 7. Hiện nay, quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ do tác động chủ yếu của các yếu tố nào sau đây?

- A. Công nghiệp hóa, mức sống tăng, vốn đầu tư.
B. Di dân diễn ra nhanh, chính sách, tài nguyên.
C. Đời sống cải thiện, đô thị hóa tự phát, vốn lớn.
D. Kinh tế phát triển, giàu tài nguyên, chính sách.

Câu 8. Nguyên nhân chủ yếu làm cho khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh là

- A. mở cửa hội nhập, toàn cầu hóa, đường lối đổi mới.
B. nguồn lao động dồi dào, giàu tài nguyên, vốn lớn.
C. thị trường rộng, thu hút vốn, lao động chuyên môn.
D. công nghiệp hóa, chính sách phát triển, ít thiên tai.

Câu 9. Cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt ở nước ta là

- A. chè, hồi, quế. B. chè, tiêu, điều. C. hồi, chè, tiêu. D. cao su, tiêu, điều.

Câu 10. Sự suy giảm của nguồn hải sản ven bờ do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Khai thác quá mức, ô nhiễm môi trường nước.
B. Đẩy mạnh đánh bắt xa bờ, mưa bão nhiều nơi.
C. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, sạt lở bờ biển.
D. Diện tích rừng ngập mặn giảm, ô nhiễm nước.

Câu 11. Vùng nào sau đây ở nước ta có nhiều trang trại nhất?

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung.

C. Đồng bằng sông Cửu Long.

D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 12. Phát biểu nào sau đây đúng với chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế?

A. Giảm tỉ trọng khu vực kinh tế Nhà nước, tăng tỉ trọng khu vực kinh tế ngoài Nhà nước.

B. Giảm tỉ trọng nhóm ngành khai khoáng; tăng tỉ trọng của nhóm ngành chế biến, chế tạo.

C. Hình thành, phát triển các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp mới có hiệu quả hơn.

D. Chú trọng phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, hình thành các cụm công nghiệp.

Câu 13. Nguồn năng lượng sạch ở nước ta hiện nay là

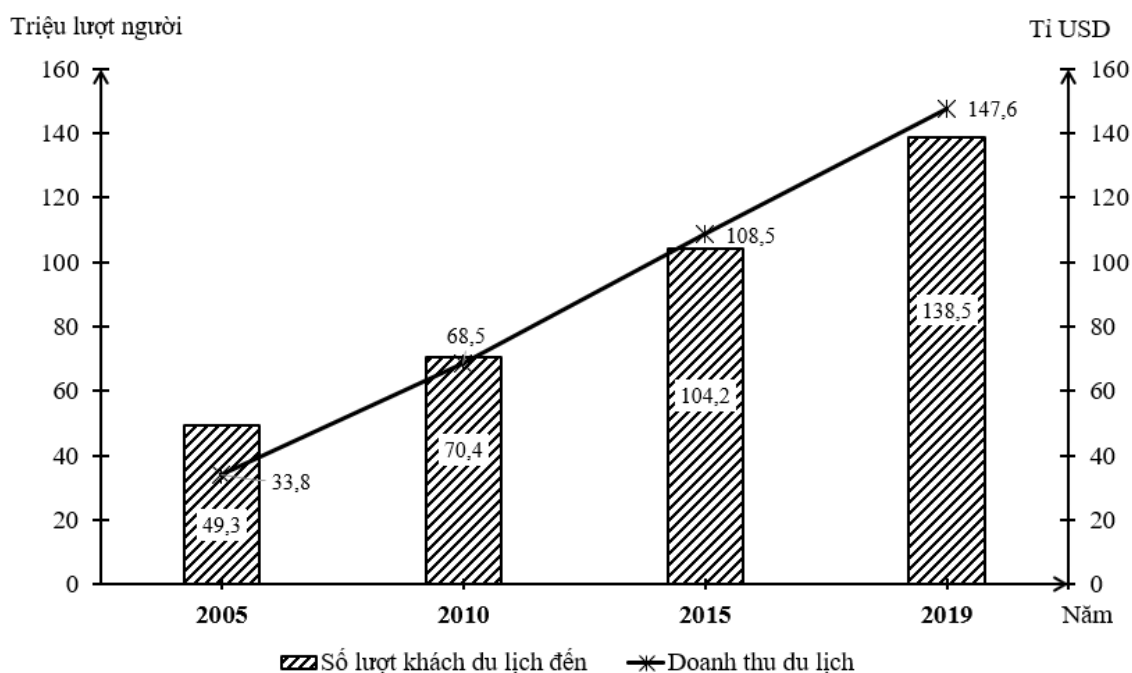
A. điện gió, điện mặt trời.

B. điện mặt trời, nhiệt điện.

C. nhiệt điện, thủy điện.

D. điện hạt nhân, điện gió.

Câu 14. Cho biểu đồ sau:



SỐ LƯỢT KHÁCH DU LỊCH QUỐC TẾ ĐẾN VÀ DOANH THU DU LỊCH Ở KHU VỰC ĐÔNG NAM Á GIAI ĐOẠN 2005 - 2019

(Nguồn: Tổ chức Du lịch Thế giới, 2022)

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây đúng với số lượt khách du lịch quốc tế đến và doanh thu du lịch ở khu vực Đông Nam Á giai đoạn 2005 - 2019?

A. Tốc độ tăng của doanh thu du lịch nhanh hơn khách du lịch đến.

B. Số lượt khách du lịch đến tăng, tăng thêm 98,2 triệu lượt người.

C. Số khách du lịch đến tăng, doanh thu du lịch giảm qua các năm.

D. Doanh thu du lịch tăng nhanh, tốc độ tăng trưởng thêm 263,9%.

Câu 15. Trung tâm công nghiệp nào sau đây có giá trị sản xuất công nghiệp rất lớn?

A. Hải Phòng.

B. Biên Hòa.

C. Dung Quất.

D. Đà Nẵng.

Câu 16. Ở các đồng bằng phát triển mạnh chăn nuôi lợn do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

A. Nguồn thức ăn dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng, lao động đông.

B. Lao động kinh nghiệm, dịch vụ thú y tốt, nguồn vốn đầu tư lớn.

C. Thị trường tiêu thụ rộng lớn, hạ tầng hiện đại, Nhà nước ưu tiên.

D. Dịch vụ thú y hoàn thiện, lao động dồi dào, thức ăn phong phú.

Câu 17. Công nghiệp chế biến sữa phát triển mạnh xung quanh các thành phố lớn do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

A. Thị trường tiêu thụ rộng, gần với nguồn nguyên liệu.

B. Cơ sở vật chất - kĩ thuật hiện đại, nguồn lao động lớn.

C. Giao thông hiện đại hóa, điều kiện tự nhiên thuận lợi.

D. Nguồn đầu tư lớn, lao động có chuyên môn cao đông.

Câu 18. Đối với kinh tế, ngành dịch vụ ở nước ta có vai trò nào sau đây?

- A. Nâng cao trình độ sản xuất trong nước, tăng cường hội nhập.
- B. Hỗ trợ thực hiện xóa đói, giảm nghèo ở miền núi và hải đảo.
- C. Nâng cao trình độ lao động, chất lượng cuộc sống người dân.
- D. Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Gió có nguồn gốc từ áp cao Bắc Ấn Độ Dương và áp cao chí tuyến bán cầu Nam. Thời gian hoạt động ở nước ta thường từ tháng 5 đến tháng 10. Dưới tác động của gió đặc điểm thời tiết, khí hậu có sự khác nhau từ đầu mùa hạ đến giữa và cuối mùa hạ.

- a) Loại gió được nhắc đến là gió mùa mùa hạ hay còn gọi là gió mùa Tây Nam.
- b) Vào đầu mùa, gió này gây mưa ở đồng bằng Nam Bộ, Tây Nguyên và Bắc Trung Bộ.
- c) Gió này kết hợp với gió Tín phong gây khô hạn ở ven biển miền Trung, gây mưa ở Bắc Bộ.
- d) Gió này kết hợp với dải hội tụ nhiệt đới, bão và địa hình gây mưa lớn cho cả nước.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Từ năm 1975 đến nay, quá trình đô thị hóa ở nước ta đã có những chuyển biến tích cực, đặc biệt là từ sau khi thực hiện công cuộc Đổi mới, quá trình đô thị hóa đã diễn ra nhanh, không gian đô thị được mở rộng và lối sống thành thị ngày càng phổ biến.

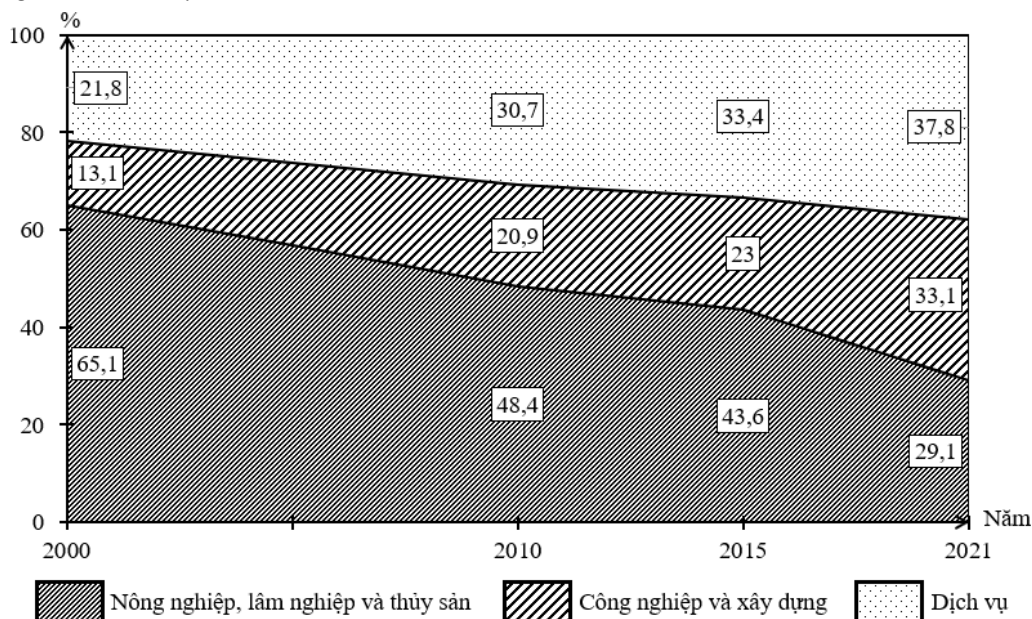
- a) Dân thành thị nước ta tăng nhanh, tỉ lệ dân thành thị cao hơn nông thôn.
- b) Quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh, lối sống thành thị rất phổ biến ở nông thôn.
- c) Nước ta đang phát triển các chuỗi, chùm đô thị tạo mối liên kết mỗi vùng và trên cả nước.
- d) Đô thị hóa góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thu hút đầu tư.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Ngành lâm nghiệp có vai trò quan trọng về kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái. Trong thời gian qua, những tiến bộ khoa học - công nghệ đã được áp dụng vào tất cả các hoạt động của ngành lâm nghiệp. Các hoạt động lâm nghiệp gồm có khai thác, chế biến lâm sản và lâm sinh.

- a) Rừng của nước ta có nhiều loại gỗ quý và nhiều loại lâm sản có giá trị kinh tế cao.
- b) Sản lượng gỗ khai thác rừng tự nhiên tăng, khai thác rừng trồng được quản lý chặt chẽ.
- c) Khó khăn trong phát triển lâm nghiệp là chất lượng rừng còn thấp, tác động của biến đổi khí hậu.
- d) Hoạt động khoanh nuôi, bảo vệ rừng được chú trọng và áp dụng công nghệ gắn với lâm nghiệp.

Câu 4. Cho biểu đồ sau:



CƠ CẤU LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN ĐANG LÀM VIỆC HÀNG NĂM PHÂN THEO NGÀNH KINH TẾ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2000 - 2021

(Nguồn: Tổng cục thống kê - <https://www.gso.gov.vn/>)

- a) Tỷ lệ lao động ở các ngành kinh tế có sự thay đổi, ngành dịch vụ tăng thêm 20%.
- b) Tỷ trọng lao động trong ngành dịch vụ tăng liên tục; ngành công nghiệp, xây dựng giảm.
- c) Tỷ lệ lao động ở ngành nông, lâm và thủy sản giảm nhanh do tác động của chuyển dịch cơ cấu, cơ giới hóa và đô thị hóa.
- d) Sự thay đổi lao động trong các ngành kinh tế do tác động của mở cửa nền kinh tế, hội nhập toàn cầu hóa và công nghiệp hóa.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng tại Lai Châu năm 2023 (Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	13,2	16,6	19,1	22,9	24,6	24,3	24,3	23,4	23,6	21,6	18,5	16,3

(Nguồn: Tổng cục thống kê – <https://www.gso.gov.vn/>)

Theo bảng số liệu trên, tính biên độ nhiệt độ của trạm khí hậu Lai Châu năm 2023 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của °C).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa trung bình các tháng tại Sơn La năm 2023 (Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	0,1	14,4	14,3	56,6	39,4	348,9	157,7	393,8	121,3	45,8	4,7	2,6

(Nguồn: Tổng cục thống kê - <https://www.gso.gov.vn/>)

Theo bảng số liệu trên, tính tổng lượng mưa của trạm khí hậu Sơn La năm 2023 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm).

Câu 3. Năm 2023, tỉnh Hải Dương có diện tích tự nhiên là 1 668,2 km² và dân số là 1 956,9 nghìn người. Tính mật độ dân số của tỉnh Hải Dương năm 2023 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/km²).

Câu 4. Năm 2023, nước ta có trị giá nhập khẩu hàng hóa phân theo ngành kinh tế là 326,4 tỉ USD và trị giá xuất khẩu là 354,7 tỉ USD. Tính cán cân xuất nhập khẩu hàng hóa phân theo ngành kinh tế của nước ta năm 2023 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

Câu 5: Năm 2023, diện tích trồng ngô của nước ta là 884,6 nghìn ha và năng suất là 50,2 tạ/ha. Tính sản lượng ngô của nước ta năm 2023 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của nghìn tấn).

Câu 6: Cho bảng số liệu:

Sản lượng nước mắm ở nước ta, giai đoạn 2015 - 2023 (Đơn vị: triệu lít)

Năm	2015	2018	2021	2023
Sản lượng	339,5	374,8	415,9	424,3

(Nguồn: Tổng cục thống kê - <https://www.gso.gov.vn/>)

Theo bảng số liệu trên, tính tốc độ tăng trưởng sản lượng nước mắm ở nước ta giai đoạn 2015 - 2023 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %).

----- HẾT -----

PHẦN I: CÂU TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

1.A	2.A	3.A	4.A	5.A	6.A	7.A	8.A	9.A	10.A
11.A	12.A	13.A	14.A	15.A	16.A	17.A	18.A		

PHẦN II: CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu	1	2	3	4
Đáp án	ĐSSĐ	SSĐĐ	ĐSĐĐ	SSĐĐ

PHẦN III: CÂU TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	11	1200	1173	28	4441	125

